

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày 06/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH LÀO CAI.

THành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vương Ngọc Long.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Lan Anh.

2. Ông Đàm Sông Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Mạnh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia thực hiện quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh X - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 24/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/HSST-QĐ ngày 07/4/2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 30 tháng 10 năm 1983 tại: Huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Không; Con ông: Phạm Văn S; Con bà Lê Thị T. Vợ thứ N Hoàng Thị H (đã ly hôn), vợ thứ 2 Đỗ Thị T (hiện đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập). Bị cáo có 02 con, lớn N sinh năm 2004, nhỏ N sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Có 02 tiền án. Tại bản án 16/2015/HSST ngày 12/5/2015 của TAND huyện B áp dụng khoản 1 Điều 138 điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại bản án số 15/2019/HS – ST ngày 24/4/2019 của TAND huyện B áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản” đến nay chưa được xóa án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nH tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Lào Cai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Văn N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02 tháng 7 năm 1992 tại: Huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn CHnh, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Không; Con ông: Đặng Kiềm M; Con bà

Phùng Thị T. Vợ là Triệu Thị L (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con, lớn N sinh năm 2009, nhỏ N sinh năm 2013; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2020 đến nay (trong vụ án khác). Hiện đang bị tạm giam tại nH tạm giữ Công an THnh Phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai . Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+) Những người bị hại:

1) Bà Đặng Thị T, sinh năm 1964.

2) Ông Hoàng Văn X, sinh năm 1959.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn X là bà Đặng Thị T – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+) Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1) Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Những người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Ông Đồng Văn G, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Anh Nguyễn Thái S, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/01/2020, Phạm Văn H gọi điện thoại rủ Đặng Văn N xuống huyện V để trộm cắp tài sản, N không đi nên H đi xuống xã S, huyện V trước. Ngày 12/01/2020, H gặp Đồi là người quen của H và N ở khu vực gần cầu Khe Léch, xã S. Đồi nhờ H trả cho N xe mô tô biển kiểm soát 24K8 – 3594, Đồi đã mượn xe của N từ trước. Sau đó H gọi điện thoại nói cho N biết và hẹn gặp nhau ở ngã 3 cầu Khe Léch, xã S để trả xe mô tô. Khoảng 13 giờ 30 phút, cùng ngày N đi xe khách đến điểm hẹn. Tại đây H tiếp tục rủ N đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, N đồng ý. N điều khiển xe mô tô 24K8 – 3594 chở H đi theo đường quốc lộ 279 đi hướng ra xã Tân An, huyện V đến KM 97+100 thuộc địa phận thôn K, xã S thì phát hiện thấy trên đường mòn bên phải cách mép phải đường quốc lộ 15,7m có 02 xe mô tô dựng gần nhau. N điều khiển xe đi thêm một đoạn rồi quay lại, đến vị trí 02 xe mô tô thì thấy có một người đàn ông điều khiển 01 chiếc xe đi, còn lại chiếc xe mô tô HONDA WAVE Alpha, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 24Y1 – 064.78 của bà Đặng Thị T (*sinh năm 1964, trú tại: thôn K, xã S, huyện V*). H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này nên bảo với N

“Dừng lại ở đây để anh vào xem nổ được con xe kia không”. N hiểu ý H muốn lấy trộm xe nên nói với H “Anh vào thì em ở đây trông người”, H xuống xe, đi đến vị trí xe mô tô biển kiểm soát 24Y1 – 064.78, quan sát xung quanh thấy không có người, H lấy ra 01 chìa khóa xe mô tô, nhãn hiệu HONDA cũ ở trong chùm chìa khóa H mang theo cắm vào ổ khóa xe thì mở được cả khóa điện và khóa cốp xe, thấy bên trong có 01 chiếc ví giả da, màu nâu, đã cũ. H nổ máy xe, điều khiển đi theo đường quốc lộ 279 đi về hướng cầu Khe Lếch và ra hiệu cho N đi theo sau, tiếp tục đi theo đường tỉnh lộ 151 ra xã Võ Lao, rồi đi vào đường mỏ sắt Quý Xa, sau đó dừng lại kiểm tra chiếc ví trong cốp xe trộm cắp được, thấy có 01 đăng ký xe mô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe 24Y1 – 064.78; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Đặng Thị T. H và N thống N mang xe đến thị trấn Tầng Lông để rửa rồi bán lấy tiền. Sau đó H bán xe mô tô 24Y1 – 064.78 cùng giấy đăng ký của xe cho ông Nguyễn Văn Trường (sinh năm 1959, trú tại Tổ 3, thị trấn Tầng Lông, huyện B) với giá 6 triệu đồng, rồi đi mua ma túy về sử dụng chung và tiêu sài cá nhân, H chia cho N 1.500.000 đồng. Đến chiều ngày 13/01/2020, H và N đi đến địa phận xã Võ Lao, huyện V biết lực lượng Công an đang chốt chặn truy tìm đối tượng trộm cắp xe máy nên H đã đến Ban công an xã Võ Lao đầu thú về Hnh vi trộm cắp xe máy, tự giác giao nộp vật chứng của vụ án. Đặng Văn N bỏ trốn lên THnh Phố Lào Cai, đến ngày 15/01/2020, Đặng Văn N bị công an phường Duyên Hải bắt quả tang về Hnh vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Quá trình điều tra các bị cáo Phạm Văn H; Đặng Văn N đã khai nhận về Hnh vi phạm tội như đã nêu trên.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số: 01 ngày 16/01/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện V kết luận:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Anpha, màu sơn đỏ - đen, số khung DY105540, số máy E-5105603, biển kiểm soát 24Y1 – 064.78. Đăng ký lần đầu ngày 04/11/2013. Giá mới: 19.000.000 đồng/ chiếc, giá trị sử dụng còn lại 70%. Trị giá xe còn lại là 13.300.000 đồng;

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 22/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai để xét xử bị cáo Phạm Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Đặng Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Phạm Văn H; Đặng Văn N theo bản cáo trạng đã nêu trên và đề nghị HĐXX.

Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp Hnh tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung hình phạt tiền.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm h, i, s khoản 1, Điều 51 Điều 17; Điều 58. Xử phạt bị cáo Đặng Văn N từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung hình phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Tr số tiền 6.000.000đ. Bị cáo Phạm Văn H bồi thường 4.000.000đ bị cáo đã giao nộp 2.102.000đ còn lại phải bồi thường 1.898.000đ; bị cáo Đặng Văn N bồi thường 2.000.000đ;

- Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho người bị hại đã nhận lại được tài sản không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, nộp Ngân sách NH nước: 01 (Một) 01 xe mô tô nhãn hiệu WIVERN đã qua sử dụng, màu sơn đỏ, số máy 000044, số khung 00044, biển kiểm soát 24K8 – 3594 (do Phạm Văn H giao nộp) là tài sản của bị cáo Đặng Văn N. Đây là vật chứng sử dụng vào phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) chìa khóa xe máy nhãn hiệu HONDA màu đen, đã qua sử dụng do bị cáo Phạm Văn H giao nộp;

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn H; Đặng Văn N đã khai nhận toàn bộ Hành vi phạm tội như đã nêu trên không đề nghị bổ sung.

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, xử lý vật chứng: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Hành vi của các bị cáo Phạm Văn H; Đặng Văn N truy tố:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Phạm Văn H; Đặng Văn N khai nhận: Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 12/01/2020. Đặng Văn N đi xe khách đến ngã 3 cầu Khe Léch, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai để lấy xe máy N cho Đôi mượn (Đôi có nhờ H trả xe cho N hộ Đôi). Tại điểm hẹn H rủ N đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, N đồng ý. N điều khiển xe mô tô 24K8 – 3594 chở H đi theo đường quốc lộ 279 đi hướng ra xã Tân An, huyện V đến KM 97+100 thuộc địa phận thôn K, xã S thì phát hiện thấy trên đường mòn bên phải cách mép phải đường quốc lộ 15,7m có 02 xe mô tô dựng gần nhau. N điều khiển xe đi thêm một đoạn rồi quay lại, đến vị trí 02 xe mô tô thì thấy có một người đàn ông điều khiển 01 chiếc xe đi, còn lại chiếc xe mô tô HONDA WAVE Alpha, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 24Y1 – 064.78 của bà Đặng Thị T. H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này nên bảo với N “*Dừng lại ở đây để anh vào xem nổ*

được con xe kia không”. N hiểu ý H muốn lấy trộm xe nên nói với H “Anh vào thì em ở đây trông người, H xuống xe đi đến vị trí xe mô tô biển kiểm soát 24Y1 – 064.78 quan sát xung quanh, thấy không có người H lấy ra 01 chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA cũ ở trong chùm chìa khóa, H mang theo cắm vào ổ khóa xe thì mở được cả khóa điện và khóa cốp xe, thấy bên trong có 01 chiếc ví giả da, màu nâu, đã cũ. H nổ máy xe, điều khiển đi theo đường quốc lộ 279 đi về hướng cầu Khe Léch và ra hiệu cho N đi theo đường tỉnh lộ 151 ra xã Võ Lao, đi vào đường mỏ sắt Quý Xa. Sau đó dừng lại kiểm tra chiếc ví trong cốp xe trộm cắp được có 01 đăng ký xe mô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe 24Y1 – 064.78; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Đặng Thị T. H và N thống N mang xe đến thị trấn Tăng Lông để rửa rồi bán lấy tiền. Sau đó H bán xe mô tô 24Y1 – 064.78 cùng giấy đăng ký của xe cho ông Nguyễn Văn Trường với giá 6 triệu đồng, có tiền H ma túy về sử dụng chung và tiêu sài cá nhân, H chia cho N 1.500.000 đồng. Đến chiều ngày 13/01/2020, H đã đến Ban công an xã Võ Lao đầu thú về Hnh vi trộm cắp xe máy, tự giác giao nộp vật chứng của vụ án. Đặng Văn N bỏ trốn lên tHnh phố Lào Cai sau đó bị bắt về Hnh vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Như vậy lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Văn H; Đặng Văn N tại phiên tòa hôm nay phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh khám nghiệm hiện trường; Biên bản tiếp nhận người phạm tội đầu thú; Lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn H; Đặng Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ Hnh vi của bị cáo:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Hnh vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, tài sản hợp pháp được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân ở địa phương.

Hnh vi của bị cáo Phạm Văn H là người khởi xướng, tích cực thực hiện Hnh vi phạm tội trộm cắp và tiêu thụ tài sản được hưởng số tiền 4.500.000đ, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm chính với vai trò là người thực Hnh.

Bị cáo Đặng Văn N là người tiếp nhận ý chí, dùng xe máy chở H đi trộm cắp tài sản, đi cùng H mang tài sản đi tiêu thụ, được hưởng lợi số tiền 1.500.000đ do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm với vai trò là người thực Hnh.

Các bị cáo Phạm Văn H; Đặng Văn N nhận thức rõ Hnh vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện nên cần phải có một hình phạt tương xứng với từng Hnh vi của mỗi bị cáo và nhằm răn đe.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn H có tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, bị cáo có tiền án. Tại bản án số 15/2019/HSST ngày 24/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng là

“Tái phạm”. Đến ngày 21/9/2019 bị cáo đã chấp Hnh xong hình phạt tù nên đến nay bị cáo chưa được xóa án tích vì vậy lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu dương tính với chất ma túy đã rất nhiều lần bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý Hnh chính đưa vào cơ sở cai nghiện: Quyết định số 5256/QĐ – UBND ngày 01/11/2012 của UBND huyện B quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội đối với Phạm Văn H trong thời hạn 12 tháng. Ngày 13/11/2013 thì được tái hòa nhập cộng đồng; Quyết định số 82/QĐ – CA ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện B Quyết định áp dụng biện pháp xử lý Hnh chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Phạm Văn H trong thời hạn 12 tháng. Đến ngày 21/3/2017 thì được tái hòa nhập cộng đồng; Quyết định số 178/QĐ – UBND ngày 16/11/2018 của UBND thị trấn Phố Lu Quyết định đưa Phạm Văn H vào cơ sở cai nghiện trong thời gian cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đến ngày 21/12/2018, được tạm thời đưa ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc để Cơ quan CSĐT Công an huyện B bắt tạm giam. Như vậy thấy rằng bị cáo lười lao động, đua đòi nghiện ma túy, để có tiền tiêu sài cá nhân và mua ma túy sử dụng cho bản thân, bị cáo đã có Hnh vi “Trộm cắp tài sản” trong khi bản thân bị cáo vẫn còn đang chấp Hnh bản án khác, chưa được xóa án, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện Hnh vi trộm cắp tài sản có trị giá 13.300.000đ là tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo Đặng Văn N có tuổi đời còn trẻ, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, để có tiền tiêu sài cá nhân bị cáo đã cùng bị cáo H thực hiện Hnh vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô có trị giá 13.300.000đ và được hưởng lợi bất chính 1.500.000đ.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo H hiện vẫn đang chấp Hnh bản án số 15/2019/HSST ngày 24//4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng là “Tái phạm”. Xong Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo theo điểm g khoản 2 Điều 173 với tình tiết định khung là “g) Tái phạm nguy hiểm” do vậy bị cáo không phải chịu theo tình tiết tăng nặng.

Bị cáo N không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình xét xử, HĐXX xem xét tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo H tHnh khẩn khai báo, bị cáo ra đầu thú, phạm tội gây thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS do vậy nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo N quá trình xét xử, HĐXX xem xét tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo N tHnh khẩn khai báo, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, do vậy nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về quyết định hình phạt:

Khi thực hiện Hnh vi phạm tội, bị cáo H có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện Hnh vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ của Hnh vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy bị cáo H coi thường pháp luật, bị cáo có nhân thân xấu, nên xem xét cho bị cáo mức án tương xứng với Hình vi của bị cáo do vậy cần phải cách ly bị cáo H ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo suy nghĩ về Hình vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở tHnh công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội.

Bị cáo N có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện Hình vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ của Hình vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo xấu, nghiện ma túy, hiện bị cáo đang bị tạm giam về Hình vi khác. Do vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo suy nghĩ về Hình vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở tHnh công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội.

Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự còn quy định có thể áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với người phạm tội. Song xét thấy, bị cáo H, bị cáo N đều không có việc làm, không có thu nhập, nghiện ma túy, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền cho các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội cần thu nộp vào ngân sách nH nước: Tịch thu, nộp Ngân sách NH nước: 01 (Một) 01 xe mô tô nhãn hiệu WIVERN đã qua sử dụng, màu sơn đỏ, số máy 000044, số khung 00044, biển kiểm soát 24K8 – 3594 (xe của bị cáo Đặng Văn N), (do Phạm Văn H giao nộp).

Đối với chiếc chìa khóa Honda các bị cáo dùng để mở khóa xe mô tô trộm cắp cần tịch thu tiêu hủy do đây là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng.

Đối với số tiền 2.102.000đ là tiền do bị cáo Phạm Văn H giao nộp cần trả lại cho người liên quan là ông Nguyễn Văn Th là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại bà Đặng Thị T và ông Hoàng Văn X đã nhận lại được tài sản không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

- Người có quyền lợi liên quan ông Nguyễn Văn Thường yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền ông bỏ ra mua xe mô tô 6.000.000đ. Đây là yêu cầu hợp lý cần yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi hoàn số tiền này. Bị cáo H nhận bồi thường 4.000.000đ bị cáo giao nộp số tiền 2.102.000đ như vậy $4.000.000đ - 2.102.000đ = 1.898.000đ$ bị cáo H còn phải bồi thường 1.898.000đ; Bị cáo N phải bồi thường 2.000.000đ.

[8] Đối với người có quyền lợi liên quan ông Nguyễn Văn Trường mua xe mô tô của bị cáo H quá trình mua bán có viết giấy mua bán, việc ông Trường mua bán chiếc xe mô tô không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H; Đặng Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 13/01/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Điều 17; Điều 58. Xử phạt bị cáo Đặng Văn N 09 tháng (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 15/01/2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 587 Bộ luật dân sự:

Trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Trường số tiền 2.102.000đ là tiền do bị cáo Phạm Văn H giao nộp (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lào Cai).

- Buộc các bị cáo H; bị cáo N phải trả cho người có quyền lợi liên quan Trường số tiền 6.000.000đ. Phần bị cáo H nhận trả 4.000.000đ – 2.102.000đ (giao nộp) còn lại 1.898.000đ. Bị cáo N phải bồi thường 2.000.000đ.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, nộp Ngân sách NH nước: 01 (Một) 01 xe mô tô nhãn hiệu WIVERN đã qua sử dụng, màu sơn đỏ, số máy 000044, số khung 00044, biển kiểm soát 24K8 – 3594 (xe không có cần đạp) và 01 (Một) chìa khóa xe máy nhãn hiệu HONDA màu đen, đã qua sử dụng. Đây là vật chứng sử dụng vào phạm tội. (Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lào Cai).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo H N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Án xét xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND Tỉnh (01);
- VKSND huyện(01);
- Công an huyện(02);
- Sở tư pháp (01);
- TAND THnh phố;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã X, huyện B (01);
- UBND Thị trấn T, huyện B(01);
- Các bị cáo(02);
- Bị hại (02);
- Người CQL&NVLQ (01);
- THAHS, THADS(10);
- Lưu HS, LĐ, VP(04).

Vương Ngọc Long